

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG LÂM ĐỒNG (03/4/1975 - 03/4/2025)
VÀ GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
(30/4/1975 - 30/4/2025)

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ trở nên giàu có và hùng mạnh nhất thế giới tư bản, đứng ra giữ vai trò giám sát, can thiệp vào các vấn đề quốc tế để bảo vệ cho cả hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã bị suy yếu nghiêm trọng và lâm vào khủng hoảng trước sự ra đời và lớn mạnh nhanh chóng của hệ thống xã hội chủ nghĩa với trụ cột là Liên Xô, Trung Quốc. Đây là nhân tố mới, làm thay đổi tương quan lực lượng toàn cầu, có lợi cho phong trào cách mạng thế giới; buộc Mỹ phải thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm chống lại các trào lưu cách mạng, đàn áp và phá hoại phong trào độc lập dân tộc, ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tranh giành vị trí và ảnh hưởng với các đế quốc khác.

Với vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Đông Nam Á và trước sự tiến công mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam, ảnh hưởng sâu sắc đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, là ngọn cờ tiêu biểu cho sự kết hợp các trào lưu cách mạng của thời đại; đế quốc Mỹ xác định Việt Nam là điểm nóng bỏng nhất, có vị trí sống còn trong tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản nên đã tích cực can thiệp vào chiến tranh Đông Dương ngay từ đầu những năm 50 thế kỷ XX. Một mặt, Mỹ ra tay giúp Pháp, mặt khác âm mưu thay thế Pháp để độc chiếm Đông Dương. Sau khi thực dân Pháp thua trận, Mỹ đã vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, vội vã lập ra khối quân sự Đông Nam Á và hắt cẳng Pháp, xâm chiếm miền Nam hòng đánh bại cách mạng Việt Nam, nhằm lập phòng tuyến ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng Đông Nam Á, bao vây, uy hiếp và chặn đứng bước tiến của chủ nghĩa xã hội ở các nơi trên thế giới.

Về phía ta, mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc và phồn vinh là nguyện vọng thiêng liêng, là sự nghiệp chính nghĩa của toàn thể Nhân dân, cũng là mục tiêu cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của việc kết nối cách mạng nước ta với cách mạng thế giới, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa, ngày 14/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với các nước trên thế giới: “*Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới*”¹, từ đó Trung Quốc, Liên Xô và một loạt nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân đã ra tuyên bố công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thiết lập quan hệ ngoại giao, ủng hộ và viện trợ vật chất cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của Nhân dân ta.

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, H 2011, tập 6 (1949-1950), tr 311.

Với thắng lợi qua các chiến dịch và Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 của quân và dân ta mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*” ngày 7/5/1954 đã buộc thực dân Pháp ngồi vào bàn đàm phán, ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, rút quân khỏi nước ta, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; tuy nhiên trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới lúc bấy giờ, đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới; miền Nam vẫn phải sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Với chân lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*”, “*Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam*”, toàn thể dân tộc Việt Nam trước sau như một đoàn kết đồng lòng, quyết đánh và quyết thắng để quốc Mỹ trở thành tư tưởng lớn của thời đại, để hoàn thành cho kỳ được mục tiêu Tổ quốc thống nhất, đồng bào Nam - Bắc sum họp một nhà.

Chính vì vậy, “*nước Việt Nam ta trở thành nơi tập trung các mâu thuẫn cơ bản của thế giới và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta trở thành cuộc đọ sức điển hình, thành tiêu điểm của cuộc đấu tranh vô cùng quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc mang tính chất thời đại rất sâu sắc*”². Đó là nguồn gốc sâu xa, là nguyên nhân trực tiếp và cũng là bản chất của cuộc chiến tranh giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược.

II. CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA DÂN TỘC

1. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960

Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, việc ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực được thi hành trong vòng 300 ngày, sau hai năm sẽ thực hiện tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu tiên, đế quốc Mỹ, thực dân Pháp và chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách phá hoại việc thi hành Hiệp định, cố tình khiêu khích, trì hoãn việc ngừng bắn trên các chiến trường; dụ dỗ và cưỡng ép gần 1 triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam; tháo dỡ, mang đi hoặc phá hoại máy móc, dụng cụ, tài sản công cộng nhằm làm tê liệt, gây khó khăn cho ta trong việc tiếp quản vùng giải phóng ở miền Bắc; rải truyền đơn, tài liệu xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm lung lạc quần chúng, gây hoang mang trong Nhân dân. Thông qua chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Mỹ tập trung thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 biến miền Nam thành nhà tù, trại giam, trại tập trung, cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 mở rộng (tháng 7/1954) xác định “*Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương*”³. Trước tình thế mới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bố trí một số cán bộ, đảng viên ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào đấu tranh, đồng thời thực hiện việc chuyển quân, đưa hàng vạn con em, chiến sĩ, đồng bào, cán bộ ở miền Nam ra Bắc học tập, nhằm đào

² Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia ST, HN 2004, T34, tr 642.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, HN 2001, T15, tr225.

tạo đội ngũ cán bộ phục vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cũng như chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và tái thiết đất nước sau chiến tranh; lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ở miền Bắc, Đảng ta tích cực chỉ đạo triển khai những biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định, sớm tổ chức cuộc sống mới sau chiến tranh. Sau kế hoạch 3 năm (1955-1957) khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, kế hoạch 3 năm (1958-1960) cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho đấu tranh thống nhất nước nhà, miền Bắc đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng Nhân dân ta vẫn một lòng theo Đảng, kiên cường, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Tháng 01/1959, Nghị quyết Trung ương 15 ra đời, chủ trương chuyển cách mạng miền Nam từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân; phản ánh đúng xu thế tất yếu của lịch sử, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, là ngọn lửa đẩy lên cao trào Đồng khởi (1959-1960) làm xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, mở đầu những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

2. Giai đoạn từ năm 1961 đến giữa năm 1965

Đầu năm 1961, Tổng thống Mỹ Kennơđi chính thức thông qua chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, thực chất là “dùng người Việt đánh người Việt” với công thức: lực lượng ngụy Sài Gòn cộng vũ khí, trang bị và cố vấn Mỹ. Mỹ dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, “Áp chiến lược”, tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân.

Để đối phó với chiến lược mới của địch, ngày 31/01/1961, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị “*về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*”. Ngày 15/2/1961, các tổ chức vũ trang miền Nam đã thống nhất thành “*Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*”. Ở miền Bắc, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, các phong trào thi đua sôi nổi “*Tất cả vì miền Nam ruột thịt*” ở khắp các địa phương, các cấp, các ngành đã đưa cách mạng miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc, không ngừng tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, kết hợp ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai.

Ngày 02/01/1963, chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận” của địch, với lực lượng đông hơn ta 10 lần, đẩy lên phong trào “*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*”. Từ năm 1964 - 1965, quân và dân ta trên chiến

trường miền Nam liên tiếp mở các chiến dịch tiến công, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, làm nên những chiến thắng oanh liệt, như: Bình Giả (2/12/1964 - 3/01/1965), Ba Gia (28/5 - 20/7/1965), Đòng Xoài (11/5 - 22/7/1965)...

Ngày 05/8/1964, Mỹ cho không quân đánh phá miền Bắc, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của “hậu phương lớn” miền Bắc cho “tiền tuyến lớn” miền Nam. Nhờ sự chuẩn bị từ trước, quân và dân ta đã kịp thời phát hiện, mưu trí, dũng cảm, đánh bại cuộc tiến công của địch.

Trước những thắng lợi vang dội của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đứng trước sự thất bại hoàn toàn, buộc đế quốc Mỹ phải ồ ạt đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Từ đây, cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968

Chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ", đế quốc Mỹ sử dụng quân đội Mỹ làm lực lượng cơ động chiến lược để tìm diệt bộ đội chủ lực ta; dùng chính quyền, quân đội ngụy Sài Gòn để bình định, kìm kẹp Nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967); đồng thời, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Ngày 20/7/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cả nước, Người khẳng định quyết tâm của Nhân dân ta “*dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn*”⁴. Ngày 17/7/1966, trong Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Người khẳng định “*Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*”⁵.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Bàu Bàng,... quân và dân ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của Mỹ ở các thành phố lớn. Ở miền Bắc, quân dân ta tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris, mở ra cục diện mới vừa đánh vừa đàm.

4. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973

Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ bị phá sản, chúng thi hành chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào; thực hiện chiến tranh hủy diệt và nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc

⁴ Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 14 (1963-1965), tr 577.

⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 15 (1966-1969), tr 131.

nhằm giành dân, bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của Nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân Lào, Campuchia từng bước đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970 - 1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta.

Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nắm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra miền Bắc bằng máy bay B52 của Mỹ, làm nên chiến thắng oanh liệt "*Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không*", thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh theo thế có lợi cho ta. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa "đánh và đàm", buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris năm 1973 về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, làm tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để tiến tới "đánh cho ngụy nhào", giành thắng lợi cuối cùng.

5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến năm 1975

Sau khi ký Hiệp định Paris, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng chính quyền, quân đội ngụy Sài Gòn làm công cụ chiến tranh. Mỹ tăng cường chi viện tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho quân ngụy lấn đất, giành dân, khống chế Nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Paris của quân đội ngụy Sài Gòn ngày càng tăng.

Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 21, ra Nghị quyết *Về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền nam trong giai đoạn mới*, trong đó khẳng định "Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên"⁶ và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Thắng lợi toàn Miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó đưa quân trở lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng miền Nam đã đến, quyết định tiến hành mở cuộc tiến công chiến lược nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng thời tiến hành giành lại chủ quyền trên các vùng biển, đảo và quần đảo phía Nam của Tổ quốc.

Sau khi hoàn thành chuẩn bị chiến lược cả về thế và lực, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được tiến hành từ ngày 4/3/1975 với các chiến dịch: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá chiến lược đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; hai chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định với nhiều bước phát triển nhảy vọt.

- Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26/4 - 30/4/1975)

Sau một tháng Tổng tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, liên tục, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện cả về chính trị và quân sự. Trong khi đó, địch bị mất toàn bộ Quân khu 1, Quân khu 2, một nửa sinh lực của Quân đội Sài Gòn

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2004, tập 34, tr 661.

bị tiêu diệt, rơi vào tình thế đi đến tan rã hầu như không cứu vãn nổi. Chúng ra sức tổ chức lực lượng, tích cực phòng ngự, lấy việc bảo vệ Sài Gòn làm mục đích chiến lược để có thể làm điều kiện mặc cả đối với ta. Sau khi lần lượt tổ chức các tập đoàn phòng ngự từ xa nhưng đều bị ta đập tan; quân đội ngụy Sài Gòn tập trung xây dựng tuyến phòng thủ cuối cùng là Sài Gòn - Gia Định.

Từ nhận định dù Mỹ có chi viện cũng không cứu vãn được sự sụp đổ của quân ngụy, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4/1975, trước mùa mưa, không thể để chậm. Ngày 07/4/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh ra lệnh động viên “*Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ thời gian từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng*”⁷. Ngày 14/4/1975, theo đề nghị của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh chiến dịch và Quân ủy Trung ương, Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Các lực lượng chiến lược của ta tham gia chiến dịch lịch sử gồm 4 quân đoàn (1,2,3,4) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn), các đơn vị binh chủng tăng - thiết giáp, đặc công, công binh, thông tin, pháo binh, không quân, hải quân với đầy đủ binh khí kỹ thuật cùng các đơn vị biệt động, bộ đội địa phương, dân quân du kích chuẩn bị tiến về giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

17 giờ ngày 26/4/1975, quân ta được lệnh tổng công kích; 5 cánh quân đồng loạt tiến công trên 5 hướng: Hướng Bắc - Quân đoàn 1 (Binh đoàn Quyết Thắng); hướng Tây Bắc - Quân đoàn 3 (Binh đoàn Tây Nguyên); hướng Đông Nam - Quân đoàn 2 (Binh đoàn Hương Giang); hướng Đông - Quân đoàn 4 (Binh đoàn Cửu Long); hướng Tây và Tây Nam - Đoàn 232 và Sư đoàn 8 (Quân khu 8), nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu của địch. Trước cuộc tiến công như vũ bão của quân và dân ta, 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, quân ta đánh chiếm Dinh Độc Lập, chính quyền ngụy Sài Gòn đầu hàng không điều kiện, cờ giải phóng phấp phới tung bay trên nóc tòa nhà chính của Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- Giành lại chủ quyền lãnh thổ trên các vùng biển, đảo, quần đảo phía Nam của Tổ quốc

Cùng với giải phóng trên đất liền, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh nghiên cứu thời cơ để giành lại chủ quyền các đảo, quần đảo do quân đội ngụy Sài Gòn chiếm đóng ở biển Đông, đây là phần lãnh thổ rất quan trọng, có vị trí chiến lược về quân sự và kinh tế không thể tách rời của Tổ quốc. Ngày 14/4/1975, các đơn vị ta nổ súng tiến công các đảo thuộc vùng biển phía Nam của Tổ quốc, trong đó có quần đảo Trường Sa, giành lại chủ quyền các đảo vào ngày 29/4/1975.

Từ ngày 30/4 đến đầu tháng 5/1975, bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang tiến công, kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng nhân dân đã giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển, giải phóng Côn Đảo, Phú Quốc và các đảo ở vùng biển Tây Nam Tổ quốc.

III. Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ý nghĩa lịch sử

⁷ Mệnh lệnh ngày 7/4/1975 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Điện số 157-H-TK, số lưu 450/DB - Cục Cơ yếu, Bộ Tổng Tham mưu - Bộ Quốc phòng.*

Thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc. Chúng ta đã hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên của độc lập, thống nhất và cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây cũng là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên, khích lệ các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới. Đánh giá về tầm vóc thắng lợi của sự kiện lịch sử này, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) khẳng định: *Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc*⁸.

2. Nguyên nhân thắng lợi

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu:

Một là, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu với đường lối chính trị, quân sự, độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, phù hợp với mỗi giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Hai là, tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng của quân và dân cả nước, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, lập nên những chiến công oanh liệt, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Ba là, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất ý chí và hành động; của lòng yêu nước nồng nàn - khát vọng hòa bình, độc lập, tự do và thống nhất đất nước của đồng bào ta.

Bốn là, lòng trung thành tuyệt đối và tinh thần quyết chiến, quyết thắng của các Lực lượng vũ trang nhân dân với sự chỉ huy thao lược của các vị Tướng lĩnh tài ba.

Năm là, tình hữu nghị và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, hiệu quả của bạn bè quốc tế, của liên minh chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, sự ủng hộ của nhân dân và các lực lượng yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

3. Bài học kinh nghiệm

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng giúp toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đúc kết những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là: **(1)** Kiên định quyết tâm, quyết đánh, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược; **(2)** Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ; **(3)** Nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân sáng tạo; **(4)** Tổ chức lực lượng cả nước đánh giặc; **(5)** Căn cứ địa cách mạng, hậu phương kháng chiến vững chắc; **(6)** Đoàn kết, liên minh

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, HN 2004, tập 37, tr457.

với nhân dân Lào, nhân dân Campuchia; (7) Đoàn kết quốc tế, phát huy sức mạnh của thời đại; (8) Bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người.

IV. THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN 50 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC - TIỀN ĐỀ CHO KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

1. Sau khi đất nước thống nhất, nước ta phải đối mặt với những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại. Một sự kiện quan trọng diễn ra sau ngày miền Nam giải phóng là cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả. Trong đó, cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam do tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari ở Campuchia gây ra ngay sau khi Việt Nam vừa mới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Việt Nam chỉ kéo dài 2 năm (từ năm 1977 đến 1979) nhưng hậu quả kinh tế, xã hội của nó khá nặng nề đối với Việt Nam. Cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt, tỉ lệ lạm phát có lúc lên đến 774,7%, đời sống Nhân dân hết sức khó khăn, thiếu lương thực triền miên, khoảng $\frac{3}{4}$ dân số sống ở mức nghèo khổ.

Phát huy tinh thần yêu nước, tự lực tự cường cùng ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt thuận lợi, thời cơ; sau gần 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

- **Về chính trị:** Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bảo đảm vai trò quản lý hiệu quả của Nhà nước, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo tiếp tục được hoàn thiện; có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân.

- **Về kinh tế:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ. Quy mô nền kinh tế năm 2023 đạt 433,7 tỷ USD, đứng thứ 35 trên thế giới, đứng thứ 5 trong ASEAN, GDP bình quân đầu người đạt 4.323 USD, gấp 58 lần sau ba thập kỷ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 2,93% năm 2023. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, duy trì tăng trưởng kinh tế khá cao so với khu vực và thế giới. Năng suất lao động liên tục tăng, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao rõ rệt.

Năm 2024, tăng trưởng cả năm đạt 7,09% (thuộc nhóm số ít các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới); kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, các cân đối lớn được bảo đảm và có thặng dư. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD; năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo

giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động. Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024 đạt 507 tỷ USD, xếp thứ 32/193, tăng 1 bậc so với năm 2023. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 786,29 tỷ USD tăng 15,4%, xuất siêu 24,77 tỷ USD, là năm thứ 9 liên tiếp xuất siêu. Thu NSNN ước cả năm đạt 2.037,5 nghìn tỷ đồng tăng 19,8% so với dự toán. Đầu tư phát triển đạt kết quả tích cực. Nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, bảo đảm kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn, các vùng miền trong cả nước và giao thương quốc tế. Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới với 38,23 tỷ USD đăng ký, vốn thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4%, cao nhất trong nhiều năm qua; khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam ước đạt 17,6 triệu lượt, tăng 39,5% so với năm 2023. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch tích cực: kinh tế số, kinh tế xanh đóng vai trò ngày càng quan trọng. Các lĩnh vực chủ yếu đều tăng trưởng, trong đó công nghiệp phục hồi tích cực, là động lực quan trọng, dẫn dắt tăng trưởng.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế... đều có sự phát triển vượt bậc, định hình hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Đến nay có gần 99% số người lớn Việt Nam biết đọc, biết viết, số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 20 lần, phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ năm 2014... Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được nâng lên. Chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách người có công, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... được thực hiện đồng bộ, đạt kết quả tích cực. Sức khỏe của Nhân dân được quan tâm chăm sóc; việc khám, chữa bệnh tiếp cận được nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

Năm 2024, an sinh xã hội được tập trung bảo đảm; đời sống người dân được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,93%. Theo xếp hạng của Liên hợp quốc, chỉ số hạnh phúc năm 2024 của Việt Nam tăng 11 bậc, xếp thứ 54/143. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,2% năm 2020 lên 94,1% năm 2024. Chất lượng giáo dục các cấp được cải thiện. Ứng dụng khoa học - công nghệ được tăng cường; hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được hình thành và phát triển. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên; lực lượng lao động, tỷ lệ lao động có việc làm tăng. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng được ưu tiên, chú trọng; công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, giáo dục thanh, thiếu niên, phát huy vai trò người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thông tin truyền thông... được tăng cường. Chỉ số phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam năm 2024 xếp thứ 54/166, tăng 1 bậc so với năm 2023.

- Về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc: Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và lợi ích quốc gia - dân tộc tiếp tục được bảo vệ vững chắc; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường trên nhiều mặt. Xây dựng thế trận lòng dân gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được xây dựng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, là lực lượng nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Hình thành thế trận an ninh nhân dân, bố trí chặt chẽ từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng công an cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ trật tự, an ninh, đưa công an nhân dân gần dân,

sát dân để phục vụ. Có đối sách, giải pháp phù hợp, xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống, không để xảy ra bị động, bất ngờ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

- **Về đối ngoại:** Hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, tạo cục diện đối ngoại mới, rộng mở, thuận lợi cho an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, thể hiện vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước. Nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt, các nước lớn; đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế; đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác đa phương quan trọng. Ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác kinh tế. Mở rộng, làm sâu sắc thêm quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 9 nước đối tác chiến lược toàn diện, 19 nước đối tác chiến lược (bao gồm cả 9 nước đối tác chiến lược toàn diện) và 13 nước đối tác toàn diện, trong đó đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện hoặc đối tác chiến lược với tất cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã và đang thể hiện tốt vai trò là bạn, là đối tác tin cậy trong cộng đồng quốc tế; có nhiều sáng kiến, đề xuất, chủ động, tích cực tham gia có hiệu quả vào các hoạt động của ASEAN, tổ chức Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác.

2. Sau giải phóng, là vùng đất đã trải qua hơn 20 năm du nhập lối sống Mỹ nên vấn đề tệ nạn xã hội ở Nam Bộ khá nan giải với số lượng lớn người thất nghiệp, thương, phế binh, người nhập cư, người nghiện ma túy, trẻ mồ côi, người ăn xin, cờ bạc buôn lậu... Khắc phục khó khăn để vươn lên cùng cả nước, sau 50 năm, Nam Bộ đã đạt được nhiều khởi sắc, cơ cấu kinh tế các vùng tiếp tục chuyển dịch tích cực; giá trị văn hóa các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hoá lịch sử được tu bổ, tôn tạo; hệ thống giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng, quốc phòng - an ninh được giữ vững, đời sống Nhân dân ngày được nâng cao, trong đó tốc độ tăng trưởng GRDP các vùng của Nam Bộ những năm gần đây đạt mức khá.

Riêng với Thành phố Hồ Chí Minh, vinh dự mang tên Bác từ năm 1976, Thành phố đã bứt phá mạnh mẽ, đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Đặc biệt, với quy mô và tiềm lực vượt trội, Thành phố Hồ Chí Minh đã cùng cả nước vượt qua nhiều cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, từng bước phát triển theo chiều sâu dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển văn hoá, xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng nâng lên, sớm xác lập và giữ vững vai trò đầu tàu, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước và ngày càng có vị trí quan trọng trong khu vực Đông Nam Á.

*** KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG LÂM ĐỒNG (03/4/1975-03/4/2025)**

1. Diễn biến sự kiện

Ngày 25/3/1975, sau khi giải phóng La Ngà, Định Quán trên đường 20, Trung đoàn 141 cùng với các đơn vị pháo cao xạ, pháo binh và sở chỉ huy nhẹ Sư đoàn 7 hành quân theo đường 20 chiếm lĩnh các vị trí phía tây bắc Bảo Lộc. Lúc 14 giờ ngày 27/3, tiểu đoàn 5 thuộc Trung đoàn 209 nổ súng đánh chiếm chi khu Đạ Huoai, cùng lúc đó Đại đội 11 của Tiểu đoàn 6 và 3 xe tăng tiến công đồn Madagui và tiêu diệt các chốt từ Madagui đến chi khu Đạ Huoai. Sau khi chiếm được chi khu Đạ Huoai, tiểu đoàn 5 đánh chiếm và bảo vệ cầu Đậm M'Ré, cầu Đạ Huoai để đội hình của Sư đoàn hành quân. Phát huy uy lực của xe tăng và pháo binh, các đơn vị hành quân bằng cơ giới lần lượt tiêu diệt các đồn bót ở Kim Hưng, Đậm M'Ré, đèo Ba Cô, nhanh chóng vượt qua đèo Bảo Lộc tiến về thị xã B'Lao.

Đúng 6 giờ sáng ngày 28/3, các đơn vị xe tăng, pháo binh, bộ binh đồng loạt tiến công đánh vào thị xã B'Lao; 8 giờ 30 phút sáng ngày 28/3/1975, thị xã B'Lao được giải phóng. Khi được tin quân ta đã giải phóng thị xã B'Lao thì bọn địch ở Di Linh vô cùng hoang mang, giao động, Đại đội 5 trinh sát của Quân khu chớp thời cơ đánh chiếm chi khu và quận lỵ Di Linh, đồi Pasteur. Bọn địch ở đây tan rã nhanh chóng và rút chạy theo đường 20 lên Tam Bồ - Đại Ninh. Ngày 28/3/1975, tỉnh Lâm Đồng (cũ) hoàn toàn được giải phóng.

Sau khi tỉnh Lâm Đồng được giải phóng, Bộ chỉ huy tiền phương của Khu ủy và Quân khu 6 quyết định tiếp tục tấn công, truy kích địch, thực hiện kế hoạch giải phóng Tuyên Đức - Đà Lạt. Đêm ngày 02/4/1975 giải phóng quận lỵ Đức Trọng. Đến 08 giờ 20 phút ngày 03/4/1975, cờ cách mạng tung bay tại cơ quan đầu não của Ngụy quyền, thị xã Đà Lạt và tỉnh Tuyên Đức đã hoàn toàn giải phóng.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân hai tỉnh Lâm Đồng (cũ), Tuyên Đức đã kết thúc thắng lợi. Với sự chi viện to lớn của bộ đội chủ lực Miền và lực lượng vũ trang Quân khu 6, quân và dân hai tỉnh tiêu diệt và làm tan rã hơn 27.000 tên địch, đánh chiếm 10 tiểu khu, chi khu, quận lỵ và hàng trăm đồn bót, giải phóng trên 300.000 dân. Sau khi giải phóng, quân và dân hai tỉnh tiếp tục truy quét bọn tàn quân, kêu gọi 20.757 ngụy quân, ngụy quyền trình diện, truy bắt 1.230 tên, thu 11.355 súng các loại.

Giải phóng Lâm Đồng, Tuyên Đức-Đà Lạt có ý nghĩa lịch sử to lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chủ lực tiếp tục tiến công địch, giải phóng các tỉnh còn lại của Khu VI nối liền Quốc lộ 1A và Đường 20 để chi viện sức người, sức của cho quân và dân ta tiến về giải phóng Sài Gòn, bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Trong một thời gian ngắn sau ngày giải phóng, về mặt tổ chức hành chính của hai tỉnh Lâm Đồng (cũ) và Tuyên Đức có nhiều lần thay đổi. Ngày 20/9/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về việc bỏ khu, hợp tỉnh; các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy được nhập lại thành tỉnh Thuận Lâm, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Phan Rang.

Ngày 6/1/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết về việc giải thể tỉnh Thuận Lâm và hợp nhất các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức, thành phố Đà Lạt thành tỉnh Lâm Đồng. Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở nhanh chóng được ổn định và lãnh đạo Nhân dân trong tỉnh sát cánh cùng với các tỉnh Tây Nguyên và

cả nước bước đầu quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từng bước xây dựng quê hương giàu mạnh.

2. Thành tựu phát triển 50 năm Ngày giải phóng Lâm Đồng

Sau năm 1975, cùng với cả nước, Lâm Đồng bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Là một tỉnh miền núi, đất rộng, người thưa, phần lớn diện tích bị bỏ hoang, đời sống của Nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, sự chống phá khốc liệt của tàn quân Fulro đã gây nhiều tổn thất xương máu, công sức của Nhân dân và chính quyền địa phương...

Là một tỉnh miền núi, chủ yếu sản xuất nông - lâm nghiệp, cơ cấu kinh tế và phân bổ lao động mất cân đối nghiêm trọng. Sản xuất lương thực không đủ ăn, mỗi năm Trung ương phải chi viện 40.000 - 50.000 tấn gạo; hàng vạn người không có công ăn việc làm. Cơ sở kinh tế có trên 6.000 ha chè, gần 30 cơ sở chế biến chè; diện tích cây cà phê khoảng 1.000 ha; có gần 3.000 ha rau, hoa và cây ăn trái; gần 2.000 ha cây lương thực sản xuất tại chỗ để giải quyết nhu cầu lương thực cho Nhân dân. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có một số cơ sở sửa chữa cơ khí, chế biến quy mô nhỏ ở Đà Lạt và Bảo Lộc, còn hầu hết các địa phương khác chưa phát triển. Cơ sở vật chất - kỹ thuật công nghiệp nghèo nàn, chỉ có hai nhà máy sản xuất đồ sứ, một số nhà máy xe gỗ với thiết bị máy móc lạc hậu.

Nền kinh tế Lâm Đồng sau ngày giải phóng chủ yếu là sản xuất nhỏ. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém, hệ thống đường giao thông trong điều kiện chiến tranh không được tu sửa, bảo dưỡng nên xuống cấp nghiêm trọng, kê cả đường 20 độ đạo nối Đà Lạt với Sài Gòn và đường 21 kéo dài. Hệ thống điện chỉ có một nhà máy thủy điện nhỏ cung cấp điện cho các trung tâm Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng và một nhà máy nhiệt điện chỉ đủ cung cấp cho vài ngàn hộ dân ở thị xã Bảo Lộc mỗi ngày vài giờ. Hệ thống nước sạch chỉ cung cấp được cho một số hộ dân ở trung tâm Đà Lạt, Bảo Lộc, nhưng vào mùa khô nước sinh hoạt cũng thiếu trầm trọng.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, tinh thần nỗ lực của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh chú trọng phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống Nhân dân. Xác định địa phương có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, việc khai hoang, phục hóa, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có thể mạnh, xóa đói giảm nghèo, từng bước đưa Lâm Đồng vượt qua mọi khó khăn, thách thức để phát triển.

Với quyết tâm tập trung mọi nguồn lực đưa Lâm Đồng thoát khỏi tình trạng chậm phát triển (giai đoạn 2005 - 2010); phát triển nhanh và bền vững (giai đoạn 2010 - 2015 và 2015 - 2020); tỉnh phát triển khá của cả nước (giai đoạn 2020 - 2025), Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng luôn luôn xác định tập trung phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực dựa vào lợi thế cạnh tranh của các loại cây trồng chủ lực; đồng thời phát triển du lịch, xác định là ngành kinh tế động lực trong nền kinh tế của địa phương. Tận dụng các nguồn lực tại chỗ và khai thác có hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư của Trung ương từ các chương trình, dự án phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; các chương trình mục tiêu Quốc gia để phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng bền vững.

Nhờ sự đoàn kết, chung sức, đồng lòng, quyết tâm cao và ủng hộ của người dân, doanh nghiệp, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024 đã đạt được những kết quả khả quan, là tỉnh phát triển khá của cả nước. GRDP bình quân đầu người đạt 103,6 triệu đồng; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 21%. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng 5,3%; ngành nông nghiệp tiếp tục là trụ đỡ của nền kinh tế, tăng 5,1%, đảm bảo cung ứng lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Thu ngân sách 13.100 tỷ đồng, bằng 100,1% dự toán Trung ương giao.

Du lịch tăng trưởng tốt, tiếp tục là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nhiều lễ hội, sự kiện quy mô lớn như: Tuần lễ Vàng du lịch Lâm Đồng, Lễ hội Âm nhạc cổ điển Việt Nam, Cuộc thi Nhóm nhảy hiện đại - Cúp Quốc tế Hoa Sen Home, Lễ hội Âm nhạc Đà Lạt, các giải thể thao cấp quốc gia... Đặc biệt, Festival Hoa Đà Lạt - lần thứ X thành công, tiếp tục khẳng định thành phố Đà Lạt là thành phố Festival Hoa của Việt Nam, thành phố sáng tạo trong lĩnh vực âm nhạc của UNESCO và thành phố thuộc Nhóm 5 thành phố Festival ấn tượng của Châu Á; Cảng hàng không Liên Khương được công nhận là Cảng hàng không quốc tế; hệ thống hạ tầng giao thông tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện tạo điều kiện thông suốt trong giao thông; hệ thống giao thông công cộng tiếp tục phát triển, rút ngắn thời gian lưu thông, tạo thuận lợi cho người dân và du khách khi tham quan, nghỉ dưỡng tại Lâm Đồng.

Hoạt động của doanh nghiệp có tín hiệu tích cực, 1.347 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 9.661 tỷ đồng; có 969 dự án đang hoạt động với tổng vốn đăng ký khoảng 153.365 tỷ đồng; trong đó có 647 dự án đã hoàn thành đầu tư, đi vào hoạt động. Xuất, nhập khẩu tăng trưởng tốt; kim ngạch xuất khẩu đạt 985,8 triệu USD, tăng 6,1%; kim ngạch nhập khẩu đạt 247,54 triệu USD, tăng 43,8% so cùng kỳ.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; toàn tỉnh có 111/111 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 41 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Đôn Dương, Đức Trọng, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Lâm Hà) và 02 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hộ nghèo đa chiều còn 8.470 hộ, chiếm tỷ lệ 2,38% (giảm 0,8% so với cuối năm 2023, tương ứng giảm 2.875 hộ); trong đó, hộ nghèo đa chiều đồng bào dân tộc thiểu số còn 5.090 hộ, chiếm tỷ lệ 6,25% (giảm 2,5% so với cuối năm 2023, tương ứng giảm 2.035 hộ).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ 23,3%; tỷ lệ thất nghiệp 0,53%. Bên cạnh đó, tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế (theo Quyết định 1300/QĐ-BYT, ngày 09/3/2023) đạt 35,2%; tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 9,1 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 23 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân vượt kế hoạch đề ra, đạt 94,2%.

Tính đến hết năm 2024, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia 83,2% (498/599 trường), tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đạt 99,77%, cao hơn năm học trước 0,25%; có 97,7% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (thể thấp còi) giảm còn 14,9%. Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 91,8%; 96,5% thôn, buôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; tỷ lệ xã

đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 100%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 98%.

Các chỉ tiêu môi trường được ghi nhận với tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 95,6%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 88,9%; tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 97,8%, vượt chỉ tiêu kế hoạch; tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 78% và tỷ lệ che phủ rừng là 54,37%.

Quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được công bố; tiến độ đầu tư các dự án đường cao tốc trên địa bàn tỉnh đang được đẩy nhanh; các công trình, dự án trọng điểm đang được ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư; phong trào thi đua “Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Lâm Đồng đoàn kết, quyết tâm vượt qua khó khăn, vươn lên cùng đất nước” đang được triển khai thực hiện mạnh mẽ, là điều kiện để khơi thông nguồn lực mới, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, tạo đột phá cho năm 2025 và làm tiền đề cho giai đoạn 2026-2030; hướng đến xây dựng tỉnh Lâm Đồng trở thành điểm đáng đến, đáng sống, khẳng định vị thế và vai trò đối với vùng Tây Nguyên và cả nước.

V. PHÁT HUY TINH THẦN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng Lâm Đồng (03/4/1975-03/4/2025); 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025) là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, biến những thành tựu vẻ vang trong quá khứ thành động lực để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam.

1. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta lòng yêu nước cách mạng, tinh thần “*tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc*”, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vững bước vào kỷ nguyên mới, đạt mục tiêu chiến lược đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Đẩy mạnh, xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực. Đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tự chủ chiến lược phát triển; phát huy nguồn nội lực là chủ đạo, nguồn lực quốc tế là quan trọng; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.

4. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính các cấp; hoàn thiện nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kiên định lập trường, quan điểm và thực hành “Dân là gốc”, “Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới”, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân; tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò làm chủ và chủ thể của Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới.

Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của Đảng và Nhà nước. Đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật trên cơ sở bám sát thực tiễn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”; cải cách triệt để thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Tập trung kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”. Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới, tạo khuôn khổ pháp lý để thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số, tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo.

5. Luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với sự nghiệp

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng “thế trận lòng dân”, lấy “yên dân” là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì, chủ động tạo lập thời cơ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển đất nước. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường đầu tư thích đáng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

6. Giữ vững độc lập tự chủ, bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Kiên trì và sáng tạo thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Chủ động tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; phấn đấu trở thành thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích chung của hòa bình, hợp tác, phát triển của khu vực và trên thế giới./.

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG